

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 23 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu, Ngày tháng năm sinh: 06/6/1980.
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Tịnh Hiệp.
- Nơi thường trú: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số Căn cước hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051180003444 ngày cấp 04/12/2024 nơi cấp Bộ Công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: Phạm Văn Thanh, Ngày tháng năm sinh: 07/5/1976
- Nghề nghiệp: Bán tạp hóa.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Nơi thường trú: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi..
- Số Căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051076003096 ngày cấp 22/4/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phạm Văn Nam, Ngày tháng năm sinh: 07/02/2007
- Nơi thường trú: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số Căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051207000510 ngày cấp 22/4/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai

- Họ và tên: Phạm Lê Nin, Ngày tháng năm sinh: 30/10/2008
- Nơi thường trú: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số Căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051208011806 ngày cấp 23/11/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

drc

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích⁽⁹⁾: 290,7m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 100.000.000 (Một trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CS22400 cấp ngày 30/3/2021. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Bà nội cho tặng.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích⁽⁹⁾: 162,5m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CS22399 cấp ngày 30/3/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:Địa chỉ:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Mỹ Danh – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: cấp 4.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 100m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CS22400 cấp ngày 30/3/2021. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.

dlc

- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:.....

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích:.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

AKC

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký: Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 210.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000đ/ năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: 60.000.000đ/ năm

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):.....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			

dkc

1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		270.000.000đ	Lương và phụ cấp của vợ và chồng thu nhập chung

dkc

..... ngày.... tháng.... năm.... NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)	Ba Gia, ngày 23 tháng 12 năm 2025 NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN (Ký, ghi rõ họ tên)  Nguyễn Thị Thu
--	---